

Dur thảo lần 1

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định số lượng, quy trình xét chọn, hợp đồng trách nhiệm đối với
cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số;

Căn cứ Nghị quyết số 50/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Gia Lai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định số lượng, quy trình xét chọn, hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ...

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Y tế, Nội vụ; Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Y tế;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở ban ngành và đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Dự thảo lần 1

QUY ĐỊNH

**Số lượng, quy trình xét chọn, hợp đồng trách nhiệm đối với
cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Gia Lai**
(Kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về số lượng, quy trình xét chọn, hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cộng tác viên dân số tại các thôn, làng, tổ dân phố (sau đây gọi chung là thôn) trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
- Cơ quan, tổ chức và cá nhân thực hiện việc xét chọn, quản lý và chi trả bồi dưỡng đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh.
- Các cá nhân, tổ chức khác có liên quan.

**Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ****Điều 3. Số lượng cộng tác viên dân số**

Mỗi thôn bố trí 01 cộng tác viên. Nếu thôn có trên 200 hộ thì bố trí 02 cộng tác viên. Nếu thôn có số hộ từ 400 hộ trở lên thì bố trí 03 cộng tác viên dân số.

Điều 4. Nguyên tắc và ưu tiên trong xét chọn cộng tác viên dân số

- Nguyên tắc xét chọn
 - Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định của Nhà nước.
 - Xét chọn đúng người đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ
- Ưu tiên trong xét chọn
 - Ưu tiên xét chọn những người đã làm cộng tác viên dân số tại thôn có đủ tiêu chuẩn theo quy định để bảo đảm ổn định mạng lưới cộng tác viên dân số; ưu tiên cho người có nhiều thời gian làm cộng tác viên dân số hơn.
 - Nhân viên y tế thôn, cộng tác viên dinh dưỡng, Chi hội trưởng chi hội phụ nữ thôn.

c) Trường hợp các tiêu chí xét chọn bằng nhau thì Chủ tịch Hội đồng quyết định.

Điều 5. Hội đồng xét chọn cộng tác viên dân số

1. Hội đồng xét chọn cộng tác viên dân số do Giám đốc Trung tâm Y tế cấp huyện thành lập, gồm: 01 lãnh đạo Trung tâm Y tế làm Chủ tịch; 01 thư ký và từ 03 đến 05 ủy viên có liên quan đến quản lý, sử dụng cộng tác viên dân số do Giám đốc Trung tâm Y tế quyết định.

2. Hội đồng xét chọn cộng tác viên dân số thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Kiểm tra, thẩm định việc đáp ứng yêu cầu về thực hiện nhiệm vụ, tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực của người dự xét chọn.

b) Hội đồng xét chọn làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng xét chọn đã biểu quyết.

c) Báo cáo Giám đốc Trung tâm Y tế về kết quả xét chọn.

d) Hội đồng xét chọn cộng tác viên dân số tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 6. Quy trình và hồ sơ xét chọn cộng tác viên dân số

1. Đối với thôn đã có người làm cộng tác viên dân số: Tiếp tục sử dụng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2021/TT-BYT).

2. Đối với thôn có nhu cầu xét chọn cộng tác viên dân số thực hiện như sau:

a) Căn cứ nhu cầu thực tế, Trạm Y tế xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Trạm Y tế) đề xuất Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Trung tâm Y tế) về việc xét chọn cộng tác viên dân số.

b) Sau khi có ý kiến bằng văn bản của Trung tâm Y tế đối với đề xuất của Trạm Y tế, Trạm Y tế phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhu cầu xét chọn cộng tác viên dân số tiến hành thông báo tuyển chọn người đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số.

c) Sau khi tuyển chọn được người đủ tiêu chuẩn, Trạm Y tế lập đề nghị tuyển chọn cộng tác viên dân số của địa phương mình, trình Trung tâm Y tế cấp huyện.

d) Sau khi nhận được danh sách và hồ sơ cộng tác viên dân số hợp lệ, Giám đốc Trung tâm Y tế thành lập Hội đồng và tiến hành xét chọn, phê duyệt danh sách, ban hành và gửi Quyết định công nhận cộng tác viên dân số đến người được xét chọn trên địa bàn mình.

e) Trung tâm Y tế thực hiện ký hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số đã có Quyết định công nhận là cộng tác viên dân số.

3. Hồ sơ xét chọn cộng tác viên dân số

Người dự xét nộp 01 bộ hồ sơ tại Trạm Y tế cấp xã nơi có nhu cầu tuyển chọn cộng tác viên dân số, gồm:

- a) Đơn tình nguyện làm cộng tác viên dân số.
- b) Bản sơ yếu lý lịch tự thuật, có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.
- c) Bản sao các văn bằng tốt nghiệp; chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ (nếu có)

Điều 7. Hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số

1. Cộng tác viên dân số phải ký kết hợp đồng trách nhiệm khi thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 3 Thông tư số 02/2021/TT-BYT (theo mẫu hợp đồng ban hành kèm theo). Đối với những thôn, cộng tác viên dân số đã thực hiện nhiệm vụ và được hưởng bồi dưỡng theo Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 50/2022/NQ-HĐND thì thực hiện ký hợp đồng trách nhiệm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

2. Trong thời hạn chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Quyết định công nhận cộng tác viên dân số, người được xét chọn phải đến Trung tâm Y tế để ký hợp đồng trách nhiệm và nhận việc, trừ trường hợp được Trung tâm Y tế đồng ý gia hạn.

3. Trường hợp người được công nhận là Cộng tác viên dân số không đến nhận việc và ký hợp đồng trách nhiệm trong thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều này thì Giám đốc Trung tâm Y tế (hoặc người đứng đầu) hủy bỏ Quyết định công nhận cộng tác viên dân số; đồng thời có ý kiến đề Trạm Y tế tiếp tục bổ sung danh sách và hồ sơ cộng tác viên dân số theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 của Quyết định này.

4. Cộng tác viên dân số được hưởng mức bồi dưỡng hằng tháng theo mức quy định tại Nghị quyết số 50/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh kể từ ngày ký hợp đồng trách nhiệm và nhận nhiệm vụ.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Y tế

a) Chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Y tế tổ chức xét chọn, ký hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số theo Quy định này. Đối với cộng tác viên dân số tại các thôn chưa đạt các tiêu chuẩn chuyên môn theo quy định của Thông tư số 02/2021/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế thì có kế hoạch đào tạo để đảm bảo đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ.

b) Phối hợp với Sở Nội vụ, UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn UBND xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện Quyết định này.

2. Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn việc tổ chức xét chọn cộng tác viên dân số theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Phối hợp với Sở Y tế chỉ đạo các phòng, ban liên quan và UBND xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện Quyết định này./.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm ...

HỢP ĐỒNG CỘNG TÁC VIÊN DÂN SỐ

Số: /20...../HD-...

Căn cứ Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 24/11/2015;

Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên,

Hợp đồng cộng tác viên này (sau đây gọi là “Hợp đồng”) được xem là hợp đồng dịch vụ được ký kết tại..... và bởi các bên:

Bên sử dụng dịch vụ (Sau đây gọi tắt là bên A)

Đại diện:..... Chức vụ:.....

Quốc tịch:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Mã số thuế:

Số tài khoản:

Tại Ngân hàng:

Bên cung ứng dịch vụ (Sau đây gọi là cộng tác viên dân số)

Ngày tháng năm sinh: Giới tính:

Quê quán:

Địa chỉ thường trú:.....

Điện thoại: Email:

Số CCCD:..... Ngày cấp: Nơi cấp:.....

Sau khi thỏa thuận, hai bên nhất trí ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

Điều 1: Đối tượng thực hiện của hợp đồng

1. Nhiệm vụ thực hiện: Thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số

2. Thời hạn hợp đồng (1):

3. Địa điểm làm việc (2):

Điều 2: Nhiệm vụ của cộng tác viên dân số

Cộng tác viên dân số thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ bên A

1. Quyền của bên A

a. Yêu cầu cộng tác viên thực hiện công việc theo đúng chất lượng, số lượng, thời hạn, địa điểm và các thoả thuận khác.

b. Trường hợp cộng tác viên dân số vi phạm nghiêm trọng hợp đồng thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định hiện hành.

2. Nghĩa vụ của bên A

a. Cung cấp cho cộng tác viên dân số thông tin, tài liệu và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc. Bảo đảm việc làm cho cộng tác viên dân số theo Hợp đồng đã ký.

b. Thanh toán tiền đầy đủ và đúng hạn cho cộng tác viên.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cộng tác viên dân số

1. Quyền của cộng tác viên dân số

a. Yêu cầu bên A cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện để thực hiện công việc.

b. Yêu cầu bên A thanh toán tiền bồi dưỡng đầy đủ và đúng hạn.

2. Nghĩa vụ của cộng tác viên dân số

a. Thực hiện công việc đúng chất lượng, số lượng, thời hạn, địa điểm và các thoả thuận khác.

b. Không giao cho người khác thực hiện thay công việc nếu không có sự đồng ý của bên A.

c. Bảo quản và giao lại cho bên A tài liệu và phương tiện được giao sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

d. Báo cho bên A về việc thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện không bảo đảm chất lượng để hoàn thành công việc;

e. Giữ bí mật thông tin mà mình biết được trong thời gian thực hiện công việc.

f. Bồi thường thiệt hại cho bên sử dụng nếu làm mất, hư hỏng tài liệu, phương tiện được giao hoặc tiết lộ bí mật thông tin.

Điều 5. Tiền bồi dưỡng và phương thức thanh toán

1. Tiền dịch vụ (3):..... đồng (Bằng chữ:).

2. Phương thức thanh toán (4):

Điều 6: Chấm dứt hợp đồng cộng tác viên dân số

1. Các trường hợp chấm dứt

- a) Hoàn thành công việc theo hợp đồng.
- b) Chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận.
- c) Một trong hai bên đơn phương chấm dứt hợp đồng (5)

2. Thời hạn báo trước

- Ít nhất (6).....ngày làm việc.

- Trong trường hợp vi phạm thời gian báo trước: Bên vi phạm phải bồi thường cho bên còn lại ít nhất (7)..... theo hợp đồng này.

Điều 7: Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề phát sinh cần giải quyết, cộng tác viên dân số và bên A có thể thỏa thuận lại nội dung của hợp đồng theo thực tế làm việc phù hợp với pháp luật. Trường hợp không thỏa thuận được thì một trong các bên có quyền khởi kiện tại toàn án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Những vấn đề không ghi trong hợp đồng này thì áp dụng theo quy định của pháp luật dân sự.

3. Hợp đồng này được lập thành bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ ... bản và chịu trách nhiệm thực hiện.

CỘNG TÁC VIÊN DÂN SỐ
(chữ ký, họ tên)

BÊN A
(chữ ký, họ tên và đóng dấu)

-----Chú thích:

- (1) Bắt đầu từ thời gian nào và bao giờ kết thúc hoặc thực hiện trong bao nhiêu ngày, tuần, tháng, năm...
- (2) Có thể làm việc cơ quan, tổ chức hoặc làm việc tự do, tùy theo thỏa thuận của hai bên.
- (3) Mức bồi dưỡng theo quy định tại Nghị quyết 50/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai. Bên A căn cứ vào địa điểm làm việc của cộng tác viên dân số thuộc khu vực nào để xác định mức bồi dưỡng.
- (4) Theo thỏa thuận của hai bên hoặc theo quy định (theo tháng/quý và bằng phương thức chuyển khoản hay tiền mặt)
- (5) Các trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng:
 - Bên A được đơn phương chấm dứt hợp đồng khi cộng tác viên dân số thực hiện công việc không có lợi cho bên sử dụng dịch vụ. Trong trường hợp này, bên A phải trả tiền bồi dưỡng theo phần công việc mà cộng tác viên đã thực hiện.
 - Cộng tác viên dân số được đơn phương chấm dứt hợp đồng khi bên A vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ.
- (6) Đơn vị cân nhắc thời gian báo trước trong trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng để đảm bảo hiệu quả công việc.
- (7) Quy định cụ thể số tiền phải bồi thường trong trường hợp vi phạm thời gian báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng.